TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2019.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lương Thị Kim Vân**
2. Bà **Võ Thị Điệp**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Võ Thị K L**, sinh năm 1972;

HKTT: tổ 8, ấp M H H, xã M X, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Chổ ở: số 50-52, đường số 3, khu tái định cư T T B C, huyện B C, TP. H C M.

Bị đơn: **Huỳnh Phi L**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: tổ 8, ấp M H H, xã M X, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(chị L có mặt, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 29/3/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Võ Thị K L trình bày: Chị và anh L có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau năm 1991, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M X, huyện Cao Lãnh vào ngày 23/11/2002. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh L thường uống rượu, không quan tâm phụ giúp gia đình và chăm lo cho vợ, con. Chuyện kinh tế gia đình anh L không cùng chia sẻ với vợ, một mình chị L phải gánh vác kinh tế gia đình. Mặc dù, chị

đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L vẫn không thay đổi. Từ đầu năm 2017 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Phi L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh T K, sinh ngày 20/11/1992 và Huỳnh Thị A T, sinh ngày 05/4/1997. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 29/3/2019 bị đơn là anh Huỳnh Phi L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thừa nhận và thống nhất toàn bộ nội dung trình bày của chị L về việc anh và chị L có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau năm 1991, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M X, huyện Cao Lãnh vào ngày 23/11/2002. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2017 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị L xin ly hôn, do anh vẫn còn tình cảm với vợ nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh T K, sinh ngày 20/11/1992 và Huỳnh Thị A T, sinh ngày 05/4/1997. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy CMND + sổ hộ khẩu của chị L (photo);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- Giấy khai sinh của Huỳnh T K và Huỳnh Thị A T (bản sao).
- Đơn xin xét xử vắng mặt của anh Huỳnh Phi L (bản chính);
- Đơn yêu cầu không tiếp tục hòa giải vụ án của chị Võ Thị K L (bản chính).

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự đều thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn của chị L về việc yêu cầu được ly hôn với anh L nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*".

Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã M X, huyện Cao Lãnh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Huỳnh Phi L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị L và anh L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M X vào ngày 23/11/2002 nên hôn nhân giữa chị L và anh L là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, không quan tâm phụ giúp gia đình và chăm lo cho vợ, con. Chuyện kinh tế gia đình anh L không cùng chia sẻ với vợ, một mình chị L phải gánh vác kinh tế gia đình. Mặc dù, chị L đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L vẫn không thay đổi. Từ đầu năm 2017 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Phi L là có cơ sở để chấp nhận. Tại biên bản hòa giải ngày 29/3/2019, anh L thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2017 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Việc anh L cho rằng hiện nay anh vẫn còn thương chị L nên không đồng ý ly hôn nhưng anh L không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị L cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh L. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L không đồng ý ly hôn là không phù hợp.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh T K, sinh ngày 20/11/1992 và Huỳnh Thị A T, sinh ngày 05/4/1997. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0006293 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, 9, 14, 51, 53, 56, 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị K L.

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị K L được ly hôn với anh Huỳnh Phi L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh T K, sinh ngày 20/11/1992 và Huỳnh Thị A T, sinh ngày 05/4/1997. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Võ Thị K L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0006293 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã M X;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Châu Văn Sang